

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Khánh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa (theo văn bản số 246/CV-VKS-DS ngày 19/8/2020).

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 218/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 09, khu 1, ấp 7, xã Phú Tân, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 09, khu 1, ấp 7, xã Phú Tân, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V và anh N đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, bản khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N tự nguyện kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/6/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau nên thường xuyên tranh cãi. Do không thể tiếp tục chung sống nên chị đã về quê sống ly thân với anh N từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh N, không thể đoàn tụ chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Anh Toàn, sinh ngày 13/6/2009. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị V đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do chị ở xa nên không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Theo bản tự khai và bản trình bày ý kiến ngày 03/8/2020 bị đơn anh Nguyễn Hữu N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/6/2008. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Do anh đi làm ở huyện Nhơn Trạch, sau đó chị V theo lên làm chung. Đến khoảng tháng 3/2020 thì anh phát hiện chị V có nhắn tin qua lại với đồng nghiệp. Anh đã có nhắc nhở rồi nhưng được khoảng 2 tháng thì chị V lại tiếp tục sự việc trên. Bản thân anh là tài xế nên ít có thời gian ở nhà nhiều nên khi anh phát hiện lần thứ hai thì anh có nóng vội và có đánh chị V. Nay chị V đã làm đơn xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn của chị V, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị V có 01 con chung là Nguyễn Anh Toàn, sinh ngày 13/6/2009. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do anh đi làm ăn xa nên không có điều kiện về tham gia tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị V và bị đơn anh Nguyễn Hữu N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Hữu N cư trú tại số 09, khu 1, ấp 7, xã Phú Tân, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị V khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu N đăng ký kết hôn năm 2008 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[5] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định chị Nguyễn Thị V là nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu N là bị đơn.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu N tự nguyện kết hôn, hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Tân và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 nên được công nhận hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị V: Chị V xin ly hôn với lý do vợ chồng mâu thuẫn trong quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 và hiện nay chị không còn tình cảm với anh Ngĩa. Anh N cũng khẳng định mâu thuẫn vợ chồng như chị V nêu là đúng, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền N vụ chung của vợ chồng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó anh cũng đồng ý yêu cầu xin ly hôn của chị V. Vì vậy, chị V xin ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên chấp nhận.

Về con chung: Chị V và anh N có 01 con chung tên là Nguyễn Anh Toàn, sinh ngày 13/6/2009, hiện đang do anh N nuôi dưỡng. Xét thấy, anh N đang nuôi con tốt, có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn, cháu Toàn mong muốn được ở cùng anh N, chị V cũng đồng ý để anh N nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử giao cháu Toàn cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 92, 93, 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về N vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị V không phải thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi con do anh N chưa yêu cầu.

Vì quyền lợi của con chung, chị V có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Anh N, chị V có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 94 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Do Tòa án không thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát có văn bản không tham gia tại phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự như nêu trên.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị V. Chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Hữu N.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Anh Toàn, sinh ngày 13/6/2009 cho anh Nguyễn Hữu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời chị Nguyễn Thị V không phải thực hiện N vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị V có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai số 0005126 ngày 04/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thành tiền án phí. Chị V đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Hữu N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Tân;
- Lưu.

Phan Thanh Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Hà
